

# PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC CHO CÁC DÂN TỘC RẤT ÍT NGƯỜI ĐẾN NĂM 2015 - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

• TS. NGÔ QUANG SƠN  
Bộ Giáo dục và Đào tạo

## I. Thực trạng phát triển giáo dục cho 9 dân tộc rất ít người đang sinh sống ở 7 tỉnh

Việt Nam có 54 dân tộc anh em chung sống, trong đó có 53 dân tộc thiểu số với khoảng 11 triệu người, chiếm 13,7% dân số cả nước. Trong 53 dân tộc thiểu số có 9 dân tộc rất ít người (DTRIN): Cơ Lao, Bố Y, Cống, Mảng, Bâu, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Ơ Đu. Các dân tộc trên chỉ có từ 60 đến 900 trẻ em trong độ tuổi từ 1 đến 14 tuổi, chủ yếu cư trú trên địa bàn các tỉnh miền núi biên giới như Hà Giang, Lào Cai, Kon Tum, Lai Châu, Điện Biên, Nghệ An, Đắk Lắk. Các dân tộc này đang có nguy cơ suy giảm về mọi mặt, cần được Nhà nước quan tâm để bảo tồn và phát triển.

Để tìm hiểu thực trạng giáo dục của các DTRIN, Vụ Giáo dục Dân tộc (GDDT) đã tiến hành khảo sát tại 6 tỉnh: Kon Tum, Lào Cai, Hà Giang, Nghệ An, Điện Biên, Lai Châu nơi tập trung đồng bào DTRIN sinh sống từ tháng 3 đến tháng 6/2009.

Công tác điều tra được tiến hành theo 5 bộ mẫu phiếu hỏi dành cho các đối tượng: cán bộ quản lý các sở, phòng giáo dục và đào tạo; ban giám hiệu và giáo viên các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT), các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) cấp huyện và cấp tỉnh; cán bộ thôn bản và các phụ huynh học sinh (HS) các DTRIN. Vụ GDDT đã thu được 1.850 phiếu điều tra khảo sát các đối tượng trên.

### 1.1. Những kết quả đạt được

#### 1.1.1. Mạng lưới trường, lớp và huy động HS DTRIN đến trường

Hiện nay, mạng lưới trường, lớp mầm non, tiểu học, THCS đã phát triển đến các xã của 7 tỉnh nói trên, có nhiều đồng bào các DTRIN sinh sống.

Việc mở các điểm trường, lớp mầm non tại các thôn, bản đã tạo điều kiện bước đầu cho trẻ đi học. Tuy nhiên, tại nơi cư trú của đồng bào DTRIN do địa hình phức tạp, dân cư phân tán, trường học quá xa nhà nên tỉ lệ trẻ DTRIN 3-5 tuổi được huy động ra lớp chỉ đạt khoảng 55% - 60%. Mới có 70% - 75% số trẻ 5 tuổi của các DTRIN ra lớp mầm non để chuẩn bị vào học lớp 1.

Đến nay, các xã đều có trường tiểu học ở khu vực trung tâm xã; các điểm trường lẻ, lớp "cắm bản", lớp ghép được mở ở hầu hết các thôn, bản, tạo cơ hội cho trẻ em các dân tộc thiểu số nói chung và HS DTRIN trong độ tuổi được đi học. Ở các địa bàn khó khăn, các điểm trường tiểu học dạy đến hết lớp 3. Từ lớp 4, 5 HS ra học tại trường chính và trường phổ thông có nội trú dân nuôi, nếu nhà cách xa trường chính.

Mạng lưới trường, lớp trung học đã phát triển đến các xã, huyện miền núi, vùng dân tộc: hầu hết các xã nơi có DTRIN sinh sống đã có trường THCS; các huyện đã có trường THPT, nhiều huyện có thêm trường THPT cụm xã.

Tất cả các huyện đều có trường PTDTNT cấp huyện. Điều đó tạo điều kiện cho HS dân tộc thiểu số và DTRIN đi học và học lên trình độ cao hơn. HS DTRIN ở một số tỉnh được cử tuyển vào các trường PTDTNT tỉnh mà không cần cứ vào điểm thi tuyển. Tuy nhiên số HS DTRIN được vào học tại các trường PTDTNT còn rất ít, chưa đáp ứng được nhu cầu.

Tính đến năm 2007, có 29 HS các DTRIN được cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng trung ương và địa phương.

#### 1.1.2. Một số chế độ chính sách và chương trình, dự án đã thực hiện đối với học sinh DTRIN

Những chính sách đã và đang thực hiện trong giáo dục đối với HS các DTRIN nhằm tạo sự bình đẳng về văn hoá, giáo dục, khuyến

khích, động viên các em đi học. Các dân tộc nói trên đang được hưởng những chính sách về giáo dục dân tộc giống như những dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam. Chưa có chính sách riêng cho các DTRIN.

Trong thời gian qua, nhờ sự hỗ trợ của các chương trình, dự án, tỉ lệ HS DTRIN ở cấp tiểu học đi học đúng độ tuổi, không bỏ học giữa chừng tăng lên rõ rệt.

## **1.2. Một số hạn chế**

*1.2.1. Trình độ dân trí của các DTRIN nói chung còn thấp, việc triển khai công tác giáo dục đối với các DTRIN còn gặp nhiều khó khăn*

Trình độ văn hoá chung của đồng bào các DTRIN chủ yếu mới chỉ thoát nạn mù chữ và phổ cập tiểu học; số người mù chữ, tái mù chữ, thất học chiếm tỉ lệ cao: dân tộc Cống: 70,3%, dân tộc Brâu: 68,6%; Si La: 73%; tỉ lệ người biết tiếng phổ thông chỉ khoảng 15%. Đa số con em các DTRIN chỉ học hết lớp 2, 3. Hiện nay, trong số những dân tộc nói trên, dân tộc Brâu chưa có người có trình độ tốt nghiệp THPT trở lên.

Do nhận thức của đồng bào về tầm quan trọng của giáo dục còn nhiều hạn chế, việc triển khai công tác giáo dục đối với các DTRIN còn gặp nhiều khó khăn.

Ở một số địa phương có đồng bào DTRIN sinh sống, tình trạng nghiện hút vẫn tồn tại. Do đó công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng địa phương với những phương pháp và kĩ năng vận động cộng đồng mới, phải được tập huấn và triển khai thường xuyên ở cộng đồng nhằm hỗ trợ phát triển giáo dục cho các DTRIN.

*1.2.2. Chất lượng học tập của học sinh DTRIN thấp*

Khả năng nhận thức và tiếp thu kiến thức của HS DTRIN cũng giống như HS của các dân tộc thiểu số khác. Trong quá trình học tập, HS thụ động, khuôn mẫu, hình thức, thiếu sáng tạo, chủ động, hay quên. Rất ít HS có phương pháp học tập hiệu quả.

Chất lượng học tập của HS DTRIN còn thấp một phần do khả năng tiếng Việt của các em còn hạn chế. Kĩ năng tiếng Việt của HS chưa cao, cá biệt có nơi trẻ vào lớp 1 chưa biết tiếng Việt, HS không cập nhật được kiến thức và thiếu các kĩ

năng cơ bản, tối thiểu từ tiểu học.

Thực tế cũng cho thấy, kết quả học tập của HS còn thấp do giáo viên vận dụng phương pháp dạy học chưa thật sự phù hợp đối với đối tượng HS DTRIN.

*1.2.3. Số lượng HS DTRIN vào các trường PTDTNT cấp huyện, cấp tỉnh và được vào các trường đại học, cao đẳng còn rất ít*

Số HS các DTRIN học tại trường PTDTNT cấp tỉnh và huyện còn rất ít. Năm học 2008-2009 có 186 HS của 9 DTRIN học tại các trường PTDTNT tỉnh và huyện. Một số tỉnh thiếu HS các DTRIN đủ điều kiện để có thể ưu tiên cử tuyển vào các trường PTDTNT cấp tỉnh và huyện. Ở một số tỉnh khác, HS DTRIN lại ít có cơ hội được vào học tại các trường PTDTNT huyện và tỉnh. HS DTRIN còn ít được chú ý tạo điều kiện học lên những cấp học cao hơn. Các tỉnh có DTRIN có quan tâm đến việc cử tuyển các em vào đại học và cao đẳng nhưng nguồn HS có đủ tiêu chuẩn để cử tuyển còn rất hạn chế. Có những HS DTRIN học hết chương trình THPT nhưng lại không đỗ tốt nghiệp, theo quy chế hiện nay, cũng không thể cử tuyển được. Vì vậy, số HS các DTRIN theo học tại các trường đại học, cao đẳng hầu như không có. Số người có trình độ cao đẳng, đại học rất ít.

Bên cạnh đó, do được sự quan tâm về nhiều mặt của Đảng và Nhà nước, đồng bào các DTRIN không tránh khỏi tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào chính sách của Nhà nước, thiếu ý thức tự vươn lên. HS người dân tộc thiểu số trông chờ vào chế độ cử tuyển, ít tự giác học tập.

*1.2.4. Giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề cho HS DTRIN chưa được chú trọng*

Mạng lưới các trường trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) và dạy nghề tuy đã được phát triển hầu hết ở các tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số cư trú nhưng số lượng các cơ sở đào tạo TCCN và dạy nghề còn ít, không đủ để đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ. Tỉ lệ lao động qua đào tạo của các dân tộc thiểu số còn thấp. Tâm lí người dân tộc thiểu số, đặc biệt DTRIN không muốn cho con em đi học nghề xa nhà. Nhận thức của đồng bào về giáo dục nghề nghiệp chưa có chuyển biến tích cực. Đồng bào chưa



nhận thức được lợi ích của việc học nghề để nâng cao năng suất lao động và nâng cao chất lượng cuộc sống.

*1.2.5. Mạng lưới trường, lớp và cơ sở vật chất mặc dù đã được quan tâm đầu tư song vẫn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục*

Khảo sát thực tế tại các tỉnh có DTRIN sinh sống cho thấy cơ sở vật chất ở nhiều điểm trường còn nhà tạm, thiếu nhà công vụ cho giáo viên, thiếu công trình vệ sinh, công trình nước sạch. Số phòng học tạm, bán kiên cố vẫn còn nhiều. Các thiết bị dạy học trong các trường còn thiếu và yếu. Trong tổng số 20 bản dân tộc Mảng sinh sống mới có 7/20 bản có phòng học kiên cố và bán kiên cố, còn lại là nhà tạm. Một số bản của huyện Mường Tè tuy đã có lớp học mầm non, song số phòng học này đều ở dạng bán kiên cố và nhà tạm. Phần lớn các điểm trường tại nơi dân tộc Bô Y, Cờ Lao, Pu Péo sinh sống chưa có điều kiện tách riêng cơ sở vật chất và thiết bị trường học của trường mầm non và trường tiểu học. Cá biệt, có trường tiểu học còn phải học ba ca. Trường mầm non phải học chung với trường tiểu học ở nhiều thôn bản. Ở một số bản vùng đồng bào dân tộc Cống, Mảng sinh sống tại tỉnh Lai Châu tuy đã có phòng học mầm non nhưng hầu hết ở dạng bán kiên cố và nhà tạm. Các cơ sở này không đủ điều kiện tối thiểu về vệ sinh, nước sạch, nhà bếp, phòng học, các trang thiết bị cho phòng học, nhà ăn, nhà bếp,... cho trẻ nên chưa thể tổ chức bữa ăn trưa cho các cháu mầm non.

Hệ thống các trường PTDTNT tỉnh và huyện vốn chỉ đủ điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu để nuôi, dạy khoảng 5,5% tổng số HS người dân tộc thiểu số. Còn nhiều trường PTDTNT cấp huyện, cấp tỉnh chưa có phòng thí nghiệm thực hành, phòng học bộ môn, thư viện, nhà công vụ cho giáo viên.

Nhiều trường mầm non có HS DTRIN chưa có nhà bếp, nhà ăn và các phương tiện phục vụ việc tổ chức nấu ăn cho trẻ.

Nhu cầu ở nội trú đối với HS các lớp cuối cấp tiểu học và HS THCS ở những thôn, làng xa trung tâm tại các xã đặc biệt khó khăn, các xã

có DTRIN sinh sống là rất lớn. Song hiện nay, HS nội trú tại các vùng có DTRIN sinh sống đều thiếu nhà lưu trú, thiếu nhà bếp hoặc không đảm bảo các điều kiện sinh hoạt và an toàn cháy nổ.

*1.2.6. Số lượng, chất lượng giáo viên tại các vùng có DTRIN còn thiếu và yếu*

Giáo viên tiểu học ở vùng dân tộc còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, còn một tỉ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn.

Hiện nay, ở một số vùng có HS DTRIN còn thiếu giáo viên hoặc nếu có đủ về số lượng thì lại mất cân đối, thiếu đồng bộ trong một số môn học. Thiếu giáo viên các môn ngoại ngữ, Âm nhạc, Mĩ thuật, Công nghệ.

Đội ngũ giáo viên có nhiệt tình, tâm huyết nhưng còn thiếu hiểu biết về tâm lí HS dân tộc. Một khó khăn lớn là giáo viên dạy HS DTRIN không biết tiếng dân tộc, HS hạn chế về tiếng Việt. Vì vậy thầy, trò giao tiếp gặp rất nhiều khó khăn.

Một số cán bộ quản lí giáo dục năng lực còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lí chỉ đạo HS DTRIN.

Chưa có chính sách thoả đáng khuyến khích giáo viên có trình độ, có tâm huyết công tác lâu dài, ổn định ở vùng có HS DTRIN.

*1.2.7. Chưa có chế độ, chính sách dành riêng cho trẻ em, HS, sinh viên (SV) DTRIN để động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho các em đi học và học lên các cấp học cao hơn*

Để bảo tồn và phát triển, trẻ em DTRIN là đối tượng đầu tiên cần được quan tâm. Tuy vậy, hiện nay chưa có chế độ, chính sách riêng hỗ trợ nuôi, dạy cho trẻ em, HS, SV các DTRIN tại các cơ sở giáo dục.

Đồng bào các DTRIN có nguyện vọng cho con em được học lên cấp học cao hơn, nhưng nếu không có chế độ hỗ trợ của Nhà nước, gia đình HS DTRIN hầu hết không đủ khả năng chu cấp cho con em đi học nghề, học trung học chuyên nghiệp và cao đẳng, đại học. Hiện nay chưa có một chính sách, chế độ nào để khuyến khích con em các DTRIN học nghề và học cao đẳng, đại học.

Để phát triển giáo dục cho các DTRIN, cũng

cần phải quan tâm xây dựng các chính sách cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại các cơ sở giáo dục có HS DTRIN.

Dân số 9 DTRIN phát triển chậm, thậm chí số người còn giảm đi theo từng năm do tình trạng hữu sinh vô dưỡng, do công tác y tế không bảo đảm. Nhiều cặp vợ chồng không có con và có nguy cơ suy thoái nòi giống do quan hệ hôn nhân cận huyết thống.

Tỉ lệ hộ nghèo của 9 DTRIN còn cao: số hộ nghèo của dân tộc Si La là 85%,Ơ Đu: 85,5%, Pu Péo: 38%, Brau: 51%. Thu nhập bình quân đầu người rất thấp (dân tộc ƠĐu: 25.000đ/tháng, dân tộc Pu Péo: 24.000đ/tháng, dân tộc Brau 36.000đ/tháng), lương thực không đủ ăn trong năm.

Cuộc sống của các DTRIN còn gặp nhiều khó khăn. Nhiều dân tộc cư trú ở các vùng sâu còn chưa có điện sinh hoạt. 94,2 % số hộ người Cống, 100% số hộ người Mảng chưa có điện.

Cả 9 dân tộc này chỉ có tiếng nói, không có chữ viết. Bản sắc văn hóa dân tộc đang bị mai một. Hiện nay nhiều người dân tộc Ơ Đu không biết tiếng mẹ đẻ, mà chủ yếu nói tiếng Thái, tiếng Khơ Mú. Một số DTRIN vẫn ở tình trạng đói nghèo, lạc hậu, không tự phát triển được và đang có nguy cơ suy giảm về mọi mặt. Có những DTRIN chưa tiếp cận được với giáo dục THPT và cao đẳng, đại học (Brau, Rơ Măm). Điều đó đòi hỏi Nhà nước phải có một sự hỗ trợ tập trung để tạo điều kiện cho những dân tộc này thực hiện quyền bình đẳng của mình trong mọi hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội, đặc biệt là quyền được học tập.

Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện chính sách ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, các vùng dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn.

Tại phiên họp Ban Cán sự Đảng ngày 24/9/2008 bàn về một số biện pháp phát triển giáo dục, đào tạo đối với các DTRIN, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Thiện Nhân kết luận: cần quan tâm phát triển giáo dục đào tạo đối với các DTRIN.

## **II. Một số giải pháp cơ bản phát triển giáo dục cho 9 dân tộc rất ít người**

### **2.1. Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải phát triển giáo dục cho các DTRIN trong chính quyền các cấp, trong cộng đồng, trong giáo viên và phụ huynh học sinh**

- Nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền, cộng đồng, phụ huynh học sinh, đội ngũ cán bộ, giáo viên, CBQLGD, nhân viên và học sinh để thấy rõ việc phát triển giáo dục đối với các DTRIN là quan trọng và cấp thiết.

- Vận động gia đình các DTRIN cho con em đến trường mầm non, theo học phổ thông, học đại học, cao đẳng, TCCN.

- Phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, đài truyền hình trung ương, đài tiếng nói Việt Nam và đài phát thanh truyền hình của các địa phương để tuyên truyền phổ biến công tác phát triển giáo dục đối với HS DTRIN.

### **2.2. Tổ chức nuôi, dạy trẻ em, HS và SV các dân tộc rất ít người**

#### **2.2.1. Đối với trẻ mẫu giáo 3- 5 tuổi**

- Học tại lớp mẫu giáo thôn, bản (học lớp mẫu giáo bán trú).

- Được nuôi dạy với chế độ hỗ trợ đặc biệt để đảm bảo điều kiện sức khoẻ, phục vụ việc học tập.

#### **2.2.2. Đối với HS DTRIN ở cấp tiểu học**

- Tổ chức nuôi dạy HS tiểu học tại trường tiểu học. Tùy điều kiện thực tế, HS các lớp 1,2,3 có thể học tại các điểm trường lẻ hoặc ở các trường phổ thông dân tộc bán trú. HS các lớp 4,5 được học tại trường phổ thông dân tộc bán trú. Đảm bảo số HS này sau khi học xong tiểu học có đủ điều kiện vào học tại các trường PTDTNT huyện.

- HS DTRIN được hưởng các chế độ chính sách của HS dân tộc. Ngoài ra, các em còn được hưởng thêm chế độ hỗ trợ về học bổng, đồ dùng cá nhân, học phẩm, tài liệu học tập...

#### **2.2.3. Đối với HS DTRIN ở cấp THCS và THPT**

- Được nuôi, dạy tại các trường PTDTNT huyện và trường PTDTNT tỉnh.

- Ngoài việc hưởng chế độ của HS dân tộc

nội trú, các em còn được hỗ trợ về học bổng, đồ dùng cá nhân, học phẩm, đồ dùng học tập...

- Sau khi tốt nghiệp THPT, HS DTRIN được vào học tại các trường dự bị đại học dân tộc, các trường TCCN, trung học nghề hoặc được ưu tiên xét tuyển vào các trường cao đẳng, đại học theo khả năng và nhu cầu của họ.

**2.2.4. Đối với SV DTRIN học tại các trường cao đẳng, đại học, TCCN, trung học nghề**

- Được miễn học phí.  
- Được hỗ trợ học bổng.  
- Được ở miễn phí trong kí túc xá.  
- Được cấp đồ dùng học tập, tài liệu học tập miễn phí.

- Có chế độ, chính sách đặc biệt giúp các em có đủ điều kiện sống, sinh hoạt và học tập.

**2.3. Xây dựng cơ sở vật chất nuôi, dạy trẻ em, HS DTRIN**

Đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng sinh hoạt cho các cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học để tổ chức tốt việc nuôi, dạy HS DTRIN.

**2.3.1. Mầm non**

Ưu tiên đầu tư kinh phí xây dựng đủ phòng học theo hướng chuẩn hoá cho các lớp mẫu giáo 3 đến 5 tuổi tại các thôn bản có trẻ DTRIN; tăng cường thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ; đầu tư mua sắm đồ dùng cho nhà ăn, nhà bếp đảm bảo điều kiện nuôi dạy trẻ DTRIN.

**2.3.2. Tiểu học**

Đảm bảo đủ phòng học, nhà bán trú cho HS DTRIN học tại các trường tiểu học có nội trú dân nuôi; trang bị đồ dùng dạy học; đầu tư mua sắm đồ dùng cho nhà bếp, nhà ăn.

**2.3.3. Trung học cơ sở**

Sau khi hoàn thành chương trình tiểu học, tất cả HS DTRIN vào học tại trường PTDTNT cấp huyện. Cần xây dựng bổ sung cơ sở vật chất cho các trường PTDTNT huyện để đủ điều kiện tổ chức nuôi dạy HS DTRIN.

**2.3.4. Trung học phổ thông**

HS DTRIN sau khi tốt nghiệp THCS sẽ vào học tại trường PTDTNT cấp tỉnh (trừ những nơi trường PTDTNT huyện có 2 cấp học: THCS và THPT thì HS có thể học ở trường PTDTNT huyện). Đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất,

thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu nuôi dạy HS DTRIN vào học tại các trường PTDTNT tỉnh.

**2.3.5. Cao đẳng, dự bị đại học dân tộc, đại học, TCCN, trung học nghề**

- Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học, tài liệu học tập cho sinh viên DTRIN vào học.

- Bổ sung thiết bị dạy học cho các trường cao đẳng cộng đồng, cao đẳng sư phạm trong 7 tỉnh có HS, SV các DTRIN.

**2.4. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục ở các cơ sở giáo dục có HS DTRIN**

**2.4.1. Đào tạo giáo viên**

- Đào tạo đảm bảo đủ số lượng GV ở các cơ sở giáo dục có HS DTRIN. Đào tạo bổ sung số giáo viên còn thiếu tại các cơ sở giáo dục có HS DTRIN.

- Tăng tỉ lệ GV người dân tộc dạy ở vùng đồng bào DTRIN. Ưu tiên cử tuyển đào tạo và tuyển dụng GV dân tộc với nguồn đào tạo tại chỗ từ các trường PTDTNT và HS DTRIN đã tốt nghiệp THPT ở địa phương.

**2.4.2. Bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục**

- Bồi dưỡng giáo viên.  
+ Bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho GV dạy HS DTRIN về chủ chương chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện quyền bình đẳng giáo dục đối với các DTRIN.

+ Tập huấn cho GV dạy HS DTRIN về tâm lí HS, phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa của các DTRIN.

+ Bồi dưỡng giáo viên về phương pháp tổ chức nuôi dạy HS DTRIN trong các trường nội trú.

+ Tổ chức tập huấn cho GV về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

+ Tập huấn cho GV đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HSDTRIN.

+ Tập huấn cho GV về giáo dục phòng, chống ma túy và AIDS

+ Tổ chức dạy tiếng dân tộc cho GV dạy HS DTRIN.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lí giáo dục.

+ Bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lí giáo dục các tỉnh có HS DTRIN về chủ

chương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện quyền bình đẳng giáo dục đối với các DTRIN.

+ Bồi dưỡng cho cán bộ quản lý giáo dục ở các cơ sở giáo dục có HS DTRIN về tâm lý HS phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa... của các DTRIN.

+ Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục về cách thức tổ chức, quản lý nội trú cho HS DTRIN.

+ Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục.

### **2.5. Công tác hướng nghiệp và dạy nghề**

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp cho HS DTRIN cấp THCS, THPT.

- Sau khi tốt nghiệp các trường THCS dân tộc nội trú, trung học PTDTNT, nếu các em không có điều kiện học tiếp, được cử tuyển học nghề nội trú tại các cơ sở dạy nghề công lập có đủ điều kiện dạy nghề nội trú.

- Sau khi HS tốt nghiệp THCS tại các trường PTDTNT cấp huyện, nếu không có điều kiện học tiếp THPT có thể xét tuyển vào học tại các trường TCCN của địa phương.

- Mở các lớp dạy nghề cho HS DTRIN tại các trường PTDTNT tỉnh.

### **2.6. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và trẻ em, HS, SV DTRIN**

*2.6.1. Xây dựng, bổ sung chính sách, chế độ cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục*

- Xây dựng chính sách, chế độ hỗ trợ cho giáo viên dạy HS DTRIN.

- Xây dựng chính sách, chế độ cho người nuôi trẻ, HSDTRIN.

- Xây dựng chế độ cho nhân viên hỗ trợ giáo viên.

- Xây dựng chính sách, chế độ hỗ trợ cán bộ quản lý giáo dục tại các cơ sở giáo dục có HS DTRIN.

*2.6.2. Xây dựng chính sách, chế độ cho trẻ mẫu giáo, HS, SV*

- Xây dựng chính sách, chế độ cho trẻ mẫu giáo DTRIN tại các trường, lớp mầm non.

- Xây dựng chính sách, chế độ cho HS

DTRIN tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường tiểu học có nội trú dân nuôi.

- Xây dựng, bổ sung chính sách, chế độ cho HS DTRIN tại các trường PTDTNT cấp huyện và tỉnh.

- Xây dựng chính sách, chế độ cho sinh viên DTRIN tại các trường đại học, cao đẳng, TCCN, trung học nghề.

### **2.7. Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục, huy động các nguồn lực trong nước và các tổ chức quốc tế để phát triển giáo dục cho các DTRIN**

*2.7.1. Huy động các nguồn lực trong nước*

- Huy động các nguồn lực của địa phương tập trung phát triển giáo dục các DTRIN.

- Xây dựng câu lạc bộ giáo dục cho các bậc cha mẹ, giáo dục môi trường, phòng, chống tệ nạn xã hội và phát triển cộng đồng.

- Phát huy trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc tổ chức nuôi dạy HS DTRIN.

- Phối hợp hiệu quả các chương trình dự án khác nhau trên cùng một địa bàn.

*2.7.2. Huy động các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế*

- Hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính để xây dựng tài liệu về phương pháp dạy học đặc thù cho đối tượng HS DTRIN.

- Hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính để tổ chức tập huấn cho GV về dạy tiếng Việt cho HS DTRIN như ngôn ngữ thứ hai.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Các báo cáo phân tích kết quả khảo sát tại 7 tỉnh có dân tộc rất ít người đang sinh sống.
2. Đề án phát triển giáo dục cho các dân tộc rất ít người giai đoạn 2009 – 2015.

### **SUMMARY**

*Among the 53 ethnic minorities living in our country there are 9 groups with very few members in the border provinces. These groups are facing the decline in many aspects, especially in education, training, needing attention and protection by the government. The author presents results of a recent survey on the status of education and training by ethnic minorities and proposes basic measures for development of education and training for the above mentioned 9 groups.*